



VNU Journal of Science: Economics and Business

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/EAB>

Original Article

The World and the Vietnamese Economy in 2018: Prospects for 2019 and Some Policy Implications for Vietnam

Nguyen Cam Nhung^{*}, Vu Thanh Huong, Tran Viet Dzung

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Received 21 March 2019

Revised 28 March 2019; Accepted 28 March 2019

Abstract: The world economy in 2018 was less “bright” than the initial projections of international organizations. The US-China trade war, the crisis in some emerging economies, and the faulty policies and unpredictable fluctuations in terms of political geography affected many economies across the world, resulting in a reduction in world investment and the growth rates of many countries. In the first quarter of 2019, trade protectionism showed no sign of reduction, political geography conflicts were on-going, and disagreements between powerful countries were not resolved. Consequently, the global economy has been negatively affected. The global economic growth rate has been “flat” and has gradually reduced. The two biggest economies of the US and China suffered from a reduction in economic growth at the end of 2018 and at the beginning of 2019. This paper analyzes the macroeconomic situation of the world and Vietnam in 2018, provides some projections for 2019, and then proposes some policy recommendations for Vietnam.

Keywords: Economic growth, inflation rate, monetary, trade, investment.

^{*} Corresponding author.

E-mail address: nhungnc@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4211>



VNU Journal of Science: Economics and Business

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/EAB>

Kinh tế thế giới và Việt Nam quý 1 năm 2019, triển vọng và hàm ý cho Việt Nam

Nguyễn Cẩm Nhung*, Vũ Thanh Hương, Trần Việt Dung

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 3 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 3 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 3 năm 2019

Tóm tắt: Kinh tế thế giới năm 2018 kém “tươi sáng” so với dự báo ban đầu của các tổ chức quốc tế. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, khủng hoảng ở một số nền kinh tế mới nổi cùng những sai lầm về chính sách và biến động khó lường về địa chính trị đã ảnh hưởng tới “sức khỏe” của nhiều nền kinh tế trên thế giới, làm cho đầu tư toàn cầu và tăng trưởng của nhiều nước giảm sút. Trong quý 1/2019, xu hướng bảo hộ mậu dịch chưa có dấu hiệu giảm, các cuộc xung đột địa chính trị vẫn tiếp diễn, bất đồng giữa các nước lớn vẫn chưa được giải quyết... khiến cục diện kinh tế toàn cầu tiếp tục bị ảnh hưởng. Tăng trưởng kinh tế thế giới đã “đi ngang” và dần dần chuyển hướng đi xuống. Hai đầu tàu kinh tế thế giới mạnh nhất là Mỹ và Trung Quốc đều hứng chịu sự sụt giảm tăng trưởng vào những tháng cuối năm 2018 và đầu năm 2019. Bài viết này phân tích tình hình kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam năm 2018, dự báo triển vọng năm 2019 và đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế vĩ mô, thế giới, Việt Nam, tăng trưởng, thương mại, đầu tư.

Địa chỉ email: nhungnc@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4211>

1. Tổng quan kinh tế thế giới quý 1 năm 2019

1.1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Kinh tế thế giới duy trì tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó xuất hiện những thách thức mới khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại. Nguy cơ khủng hoảng tại các nền kinh tế mới nổi do ảnh hưởng từ chính sách

* Tác giả liên hệ.

thắt chặt tiền tệ của Mỹ, lệnh trừng phạt của Mỹ lên Iran và đầu tư toàn cầu sụt giảm góp phần làm cho mức độ tăng trưởng không đồng đều giữa các nước trên thế giới gia tăng. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, EU, Nhật Bản, ASEAN và các nền kinh tế mới nổi đều chậm lại từ quý 3 và quý 4.

Kinh tế Mỹ năm 2018 giảm nhẹ so với dự báo của các tổ chức quốc tế hồi đầu năm. Nhờ chính sách kích thích tài khóa (cắt giảm thuế và tăng chi tiêu) được thực hiện từ đầu năm 2018 đã phát huy hiệu quả và lan tỏa kích thích đầu tư của các doanh nghiệp trong nước nên dù khối lượng thương mại bị giảm, đặc biệt là thương

mại song phương với Trung Quốc, tăng trưởng cả năm 2018 vẫn đạt mức 2,9% (thấp hơn so với dự báo 3,1%). Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức kỷ lục còn 3,7% trong năm 2018. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp tháng 1/2019 đã tăng lên 4% do Chính phủ Mỹ đóng cửa một phần trong hơn 1 tháng đã khiến 800.000 nhân viên Chính phủ nghỉ việc trong thời gian này và buộc khoảng 500.000 người phải làm công việc bán thời gian. Tỷ lệ thất nghiệp tháng 2/2019 đã giảm xuống 3,8% nhờ việc Chính phủ Mỹ mở cửa trở lại. Nhu cầu tiêu dùng trong nước vững chắc tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Mỹ và tạo thuận lợi cho các nhà bán lẻ nước này. Với các chỉ số kinh tế vĩ mô tích cực như vậy, FED tự tin tăng lãi suất lần 4 trong năm 2018 lên 2,25-2,5%. Do có chính sách thắt chặt tiền tệ, tỷ lệ lạm phát cả năm 2018 đạt kỳ vọng của Chính phủ ở mức 2,44% [1]. Trong tháng 1/2019, lạm phát của Mỹ giảm còn 1,6% và xuống còn 1,5% trong tháng 2. Thâm hụt thương mại của Mỹ đã mở rộng lên 59,8 tỷ USD vào tháng 12/2018, nâng tổng thâm hụt thương mại hàng hóa lên mức kỷ lục 891,3 tỷ USD năm 2018 - mức cao nhất trong 10 năm qua. Đó là do đồng USD mạnh và thuế quan trả đũa nhằm vào hàng Mỹ gây sức ép giảm khối lượng xuất khẩu. Với động lực tăng trưởng từ nội tại nền kinh tế yếu dần do tác động của chiến tranh thương mại sẽ khiến tăng trưởng kinh tế của Mỹ năm 2019 thấp hơn so với năm 2018 và có thể chỉ đạt mức 2,6% [2].

Tăng trưởng *khu vực EU* tiếp tục chậm lại và chỉ đạt 1,9% năm 2018, thấp hơn so với năm 2017 ở mức 2,3%. Do trải qua nhiều yếu tố bất lợi về kinh tế và chính trị như căng thẳng thương mại, sự suy giảm tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu, sự sụt giảm tăng trưởng của nền kinh tế Đức và sự suy thoái kinh tế của Ý, cùng tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ của Mỹ, đồng Euro đã mất giá liên tục so với USD từ tháng 2/2018 đến nay [1]. Tình trạng kinh tế Đức suy giảm do nhu cầu ô tô nhập khẩu tại Trung Quốc, một thị trường tiêu thụ lớn, đã giảm mạnh. Sản lượng công nghiệp của Đức tháng 1/2019 cũng giảm 3,3% so với cùng tháng năm 2018. Trong bối cảnh kinh tế âm ảm của châu Âu, với mức lãi suất thấp không

khuyến khích tiết kiệm nên tiêu dùng nội địa là chỗ dựa đáng tin cậy thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho khu vực này trong năm 2019 [2].

Kinh tế *Nhật Bản* suy giảm tăng trưởng trong quý 3/2018 ở mức -0,6% rồi nhích lên 0,5% trong quý 4/2018 đến nay. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản vẫn còn yếu do nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình yếu. Tâm lý tiêu dùng đã giảm từ 42,7 điểm trong tháng 12/2018 xuống còn 41,9 điểm trong tháng 1/2019, mức giảm thấp nhất kể từ tháng 12/2016. Người tiêu dùng đã chú ý hơn về khả năng tăng thuế tiêu dùng từ 8% lên 10% dự kiến được thực hiện vào tháng 10/2019. Vì vậy, Chính phủ đã dành 2.030 tỷ Yên cho các biện pháp tài chính, bao gồm chương trình hoàn tiền cho các giao dịch mua hàng không dùng tiền mặt và phiếu giảm giá cho những hộ gia đình có thu nhập thấp hay có con nhỏ. Việc chi tiêu gia tăng phục vụ công tác tổ chức Thế vận hội 2020 cũng sẽ duy trì đà tăng trưởng trong 2019. Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất, công nghiệp của Nhật Bản đã giảm 0,1% trong tháng 12/2018, sau khi giảm 1,0% trong tháng 11/2018. Các đơn hàng máy móc suy giảm do tác động của sự trì trệ trong thương mại toàn cầu đã khiến xuất khẩu của Nhật Bản giảm 8,4% trong tháng 1/2019, mức cao nhất kể từ tháng 10/2016 đến nay. Do vậy, thâm hụt thương mại lên tới 1,415 nghìn tỷ Yên vào tháng 1/2019. Với điều kiện như vậy, tăng trưởng của đất nước mặt trời mọc dự kiến sẽ chỉ đạt 0,9% vào năm 2019 [3].

Tăng trưởng kinh tế *Trung Quốc* đạt mức 6,6% năm 2018, mức tăng thấp nhất kể từ năm 1990 đến nay. Do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại, hoạt động thương mại của nước này bị ảnh hưởng khá lớn. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Trung Quốc trong tháng 2/2019 giảm lần lượt 20,7% và 5,2%, tương đương xuống 135,24 tỷ USD và 131,12 tỷ USD. Chiến lược “Made in China 2025” (MIC2025) đang gặp không ít thách thức trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung bị kéo dài. Chỉ số quản lý sức mua (PMI) giảm từ mức 50,2 điểm tháng 11/2018 xuống 49,7 điểm tháng 12/2018, mức thấp nhất trong 19 tháng trước đó. Đề có thể vượt qua nhiều áp lực khi tăng trưởng nền kinh tế chững lại và những tác

động của cuộc chiến thương mại với Mỹ, ngoài việc nới lỏng hơn nữa hoạt động kiểm soát đối với các công ty nước ngoài đang tiếp cận thị trường Trung Quốc, nước này còn kích thích các hoạt động kinh tế bằng cách thúc đẩy chi tiêu và cắt giảm hàng tỷ USD tiền thuế, cụ thể cắt giảm gần 2.000 tỷ Nhân dân tệ (CNY) (tương đương 298 tỷ USD) tiền thuế và các loại phí. Chính phủ dự tính giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 16% xuống còn 13% trong ngành công nghiệp chế biến và các lĩnh vực khác. Thuế VAT đối với các ngành vận tải và xây dựng sẽ được giảm từ 10% xuống 9% và VAT cho các công ty sản xuất sẽ giảm từ 16% xuống 13%. Thêm vào đó, Chính phủ đã tăng cường hỗ trợ tín dụng cho các công ty tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ để góp phần thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm. Với điều kiện kinh tế như hiện nay, dự đoán tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong năm 2019 ước đạt 6-6,5% [3].

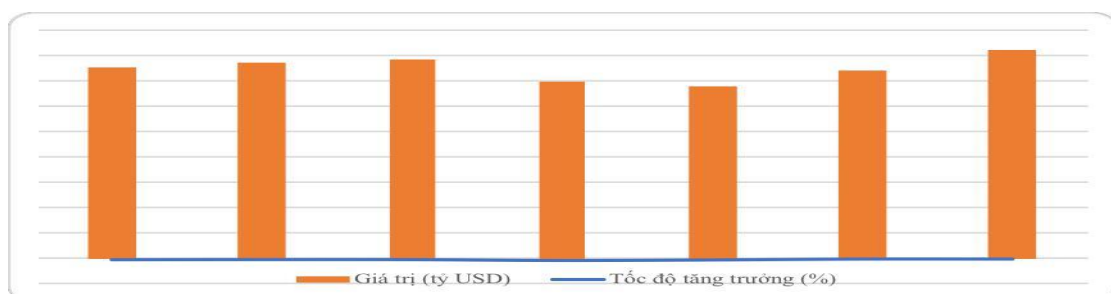
ASEAN chỉ giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định trong 9 tháng đầu năm 2018, bước sang quý 4 bức tranh kinh tế diễn ra khá đa dạng. Do bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, tác động của môi trường kinh tế toàn cầu cùng sự tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế lớn trên thế giới nên chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất của các nền kinh tế ASEAN (ngoại trừ Brunei, Campuchia và Lào) bị đình trệ trong tháng 10 và tháng 11/2018. Đối với lĩnh vực thương mại, Singapore và Malaysia có sự tăng trưởng trong xuất khẩu, và Malaysia có thặng dư thương mại đạt mức cao trong quý 4/2018. Tuy nhiên, Philippines liên tục bị thâm hụt thương mại trong những năm

gần đây. Hoạt động thương mại của Thái Lan cũng không khả quan, thâm hụt thương mại ở mức 4.032 tỷ USD trong tháng 1/2019. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN tổ chức ở Singapore vào giữa tháng 11/2018, các nước ASEAN đã ký thỏa thuận thương mại điện tử đầu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới. Đây được coi là điểm sáng góp phần thúc đẩy tăng trưởng thương mại nội khối và tạo đà tăng trưởng cho các các nước thành viên ASEAN trong thời gian tới [1, 2].

1.2. Thương mại toàn cầu tăng trưởng

Bất chấp những biến động phức tạp của tình hình thương mại thế giới năm 2018 như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, những chia rẽ trong quan điểm của các quốc gia tại Hội nghị G20, những khó khăn của WTO trong việc điều chỉnh thương mại đa phương, tính đến hết 11 tháng đầu năm, thương mại toàn cầu năm 2018 vẫn tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu đến hết tháng 11/2018 đạt 16.351 tỷ USD so với mức 13.461 tỷ USD của năm 2016 và 14.819 tỷ USD năm 2017 (Hình 1) [4, 5].

So với 11 tháng năm 2017, thương mại toàn cầu 11 tháng năm 2018 tăng trưởng ở mức độ rất cao, tăng 1.532 tỷ USD, tương đương với mức tăng trưởng 10,34% (Hình 1). Đây cũng là mức tăng cao nhất kể từ năm 2012 đến nay. Đặc biệt, tổng kim ngạch thương mại thế giới 11 tháng năm 2018 đã vượt mức 15.000 tỷ USD của 11 tháng năm 2014 - mức cao của thương mại toàn cầu kể từ sau khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 2008.



Hình 1. Kim ngạch xuất khẩu toàn cầu từ tháng 1 đến tháng 11 giai đoạn 2011-2018 (Đơn vị: Tỷ USD).

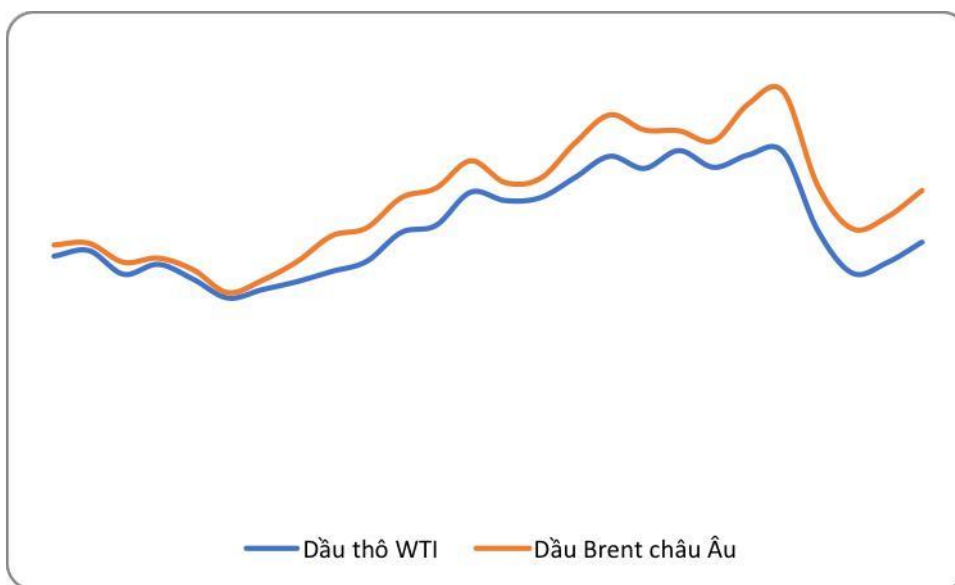
Nguồn: Tính toán của tác giả từ WTO (2019a).

1.3. Giá cả toàn cầu

Giá dầu thế giới đột ngột giảm mạnh trong tháng 11 và 12 sau khi chứng kiến xu hướng tăng liên tục từ tháng 6/2017 do Mỹ và hai quốc gia khác trong top 3 nước sản xuất dầu lớn hàng đầu thế giới là Saudi Arabia và Nga đã nâng sản lượng khai thác dầu với tốc độ kỷ lục, trong khi nhu cầu dầu thế giới quay đầu giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Tuy nhiên, từ tháng 1/2019 đến nay, giá dầu liên tục tăng trở lại và đạt 67,5 USD/thùng dầu Brent. Đó là nhờ quyết tâm của OPEC trong việc nỗ lực tái lập cân bằng trên thị trường dầu thô. OPEC và các nước đồng minh đã thống nhất thỏa thuận cắt

giảm sản lượng và tiếp tục duy trì đến hết tháng 6/2019 để giữ được đà tăng giá dầu.

Do đồng USD tăng giá so với các đồng tiền chủ chốt khác, giá dầu thô tăng trong 3 quý đầu năm 2018 góp phần làm tăng CPI của nhiều nước nên lạm phát toàn cầu năm 2018 tăng 3,78%, cao hơn so với mức 3,2% năm 2017. Thị trường hàng hóa năm 2019 sẽ phải vượt qua những thách thức từ tăng trưởng toàn cầu yếu hơn, thắt chặt các điều kiện tín dụng hơn và gia tăng sức mạnh của đồng USD. Nếu đà tăng giá dầu thô tiếp tục diễn ra trong thời gian tới thì lạm phát toàn cầu có thể tiếp tục tăng nhẹ trong năm 2019.



Hình 2. Biến động giá dầu thế giới.

Nguồn: EIA

1.4. Đầu tư toàn cầu tiếp tục giảm

FDI toàn cầu đã giảm liên tiếp trong 3 năm qua. Dòng vốn FDI toàn cầu trong năm 2018 sụt giảm 19% so với năm 2017, ước đạt 1,2 tỷ USD, mức thấp nhất kể từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính toàn cầu tới nay. Nguyên nhân chính là do điều khoản đánh thuế một lần của Đạo luật Việc làm và Giảm thuế (TCJA) do Thượng viện Mỹ đưa ra từ cuối năm 2017 đã khiến khoản thu nhập ở nước ngoài quay trở về

công ty mẹ ở Mỹ thay vì tái đầu tư. Từ đầu năm 2018, các công ty đa quốc gia (MNE) đã chuyển thu nhập đang nắm giữ tại các chi nhánh ở nước ngoài về nước để không phải trả thêm thuế. Tái đầu tư thu nhập ở nước ngoài luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong dòng vốn FDI của Mỹ ra nước ngoài. Dòng vốn FDI ra nước ngoài của Mỹ trong thời gian này đã sụt giảm nghiêm trọng khiến cho dòng FDI toàn cầu cũng sụt giảm [6].

Dòng vốn FDI vào các nước phát triển giảm đến 40% đạt khoảng 451 tỷ USD - mức thấp nhất kể từ năm 2004, thấp hơn mức 652 tỷ USD năm 2009 và mức 595 tỷ USD năm 2014. Tốc độ tăng trưởng vốn FDI ở các nước đang phát triển diễn ra không đồng đều giữa các vùng. Dòng FDI vào các nước đang phát triển chỉ tăng 3%, chiếm đến 56% FDI toàn cầu năm 2018, đạt khoảng 694 tỷ USD. FDI tập trung chủ yếu ở các nước Đông Á và các nước Đông Nam Á chiếm 1/3 FDI toàn cầu. FDI vào các nền kinh tế chuyển đổi đạt 44 tỷ USD năm 2018, giảm 8% so với năm 2017. Các nước phát triển ở châu Á thu hút được nhiều vốn FDI nhất, đồng thời cũng là khu vực có giá trị các dự án đầu tư mới cao nhất trên thế giới. Trung Quốc dẫn đầu các nước đang phát triển trong khu vực về thu hút nhiều vốn FDI và FDI tăng nhanh trong lĩnh vực chế tạo. Vị trí thứ hai thuộc về Hồng Kông (Trung Quốc) với vốn FDI tập trung vào lĩnh vực dịch vụ. Khu vực Đông Nam Á lập kỷ lục về thu hút vốn đầu tư trong 3 năm liên tiếp đạt mức 145 tỷ USD. Trong khi đó, Singapore, Indonesia và Thái Lan là 3 nước dẫn đầu về thu hút FDI.

Một nửa trong số 10 nước tiếp nhận đầu tư nhiều nhất là các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có 3 đại diện đến từ châu Á là Trung

Chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế

Năm 2018 chứng kiến diễn biến trái chiều về chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế trên thế giới. Mỹ đã tăng 4 đợt lãi suất trong năm 2018 và duy trì mức mới là 2,25-2,5%. Kế hoạch Mỹ có thể tăng lãi suất thêm 1 lần nữa chưa được nhắc đến trong quý 1 nhưng có thể diễn ra trong nửa cuối năm 2019. Anh đã tăng lãi suất từ tháng 8/2018 và đang duy trì ở mức 0,75%, mức cao nhất kể từ tháng 3/2009 đến nay. Trong khi đó, các nền kinh tế lớn khác như EU, Nhật Bản và Trung Quốc đều giữ nguyên lãi suất cho đến nay. Việc Mỹ tăng lãi suất trong khi EU, Nhật Bản và Trung Quốc không tăng lãi suất đã và sẽ tiếp tục tác động đến hoạt động chi tiêu, đầu tư, tác động đến diễn biến luồng vốn cũng như các dòng chu chuyển tài chính trên toàn cầu, đồng thời đặt thế giới trước áp lực gia tăng nợ công.

Quốc, Hồng Kông và Singapore. Mặc dù FDI bị giảm mạnh, Mỹ tiếp tục là nước tiếp nhận FDI lớn nhất thế giới với 226 tỷ USD trong năm 2018. Tiếp theo là Trung Quốc 142 tỷ USD và Anh là 122 tỷ USD.

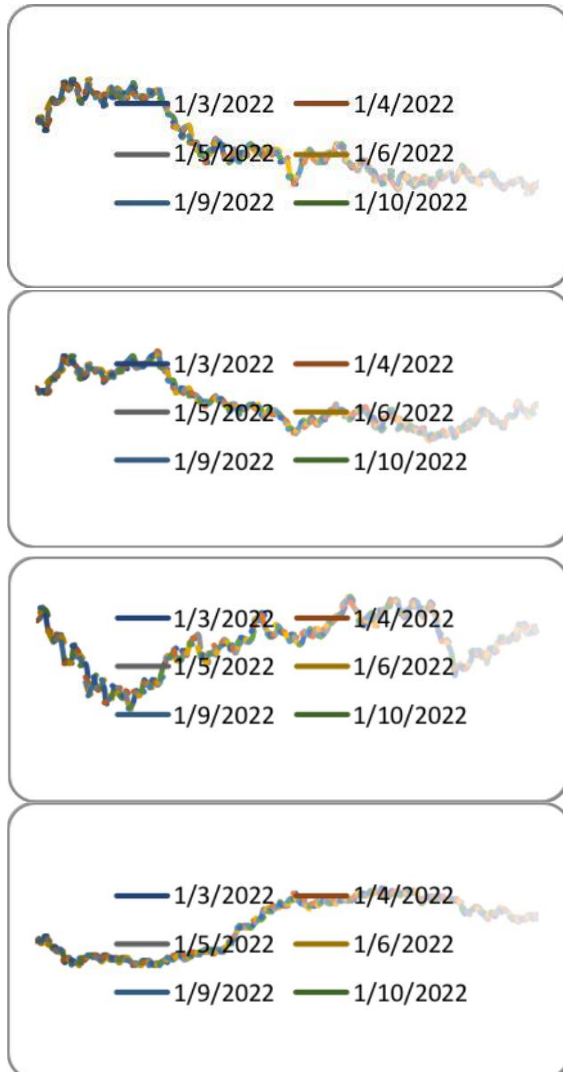
Triển vọng gia tăng FDI là không chắc chắn trong bối cảnh có nhiều rủi ro tiềm ẩn từ địa chính trị, rủi ro tài chính - tiền tệ và tác động từ các yếu tố chính sách của các nước lớn. Thứ nhất, viễn cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 khá ảm đạm. Thứ hai, điều kiện tài chính thắt chặt khiến sản xuất công nghiệp của một số nền kinh tế chủ chốt chuẩn bị thu hẹp quy mô. Thứ ba, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc và xu hướng bảo hộ vẫn tồn tại. Mỹ xác nhận hoãn tăng thuế vào ngày 1/3 như kế hoạch trước đó. Hiện tại, Mỹ và Trung Quốc đang đàm phán để đạt được thỏa thuận thương mại, trong đó dỡ bỏ hầu hết các khoản thuế mà Mỹ nhằm vào Trung Quốc. Song một vấn đề còn tồn tại là thuế sẽ được gỡ bỏ ngay lập tức hay sau một khoảng thời gian, đủ để Mỹ có thể giám sát Trung Quốc xem nước này có thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết hay không.

1.5. Chính sách tiền tệ và biến động tỷ giá hối đoái

Biến động tỷ giá hối đoái

Đồng Euro mất giá liên tục so với đồng USD trong suốt năm 2018 và kéo dài đến quý 1/2019. Đồng Yên Nhật (JPY) cũng mất giá liên tục so với USD, ngoại trừ quý 4/2018. CNY mất giá mạnh trong quý 2, sau đó giữ được ổn định cho tới nay. Những xu hướng biến động của đồng USD so với các đồng tiền mạnh là do FED đã tăng 4 đợt lãi suất trong năm 2018 vào ngày 22/3/2018, 13/6/2018, 27/9/2018 và 19/12/2018, trong khi EU, Nhật Bản và Trung Quốc giữ nguyên lãi suất. Xu hướng này diễn ra tương tự với đồng bảng Anh. Tuy nhiên, đồng bảng Anh đã tăng giá trở lại so với USD ngay sau khi Anh quyết định tăng lãi suất từ tháng 8/2018 lên mức 0,75% và có xu hướng biến động tăng giảm cho đến nay.

nhất trong 10 năm qua nhờ vào động lực chính là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành



Hình 3. Tỷ giá hối đoái giữa USD và các đồng tiền của các nền kinh tế đối tác chủ chốt.
(từ ngày 1/1/2018 đến ngày 19/3/2019)
Nguồn: Pacific Exchange Rate Services

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2018

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Khép lại năm 2018, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng ấn tượng ở mức 7,08%, vượt xa một cách ngoạn mục so với mục tiêu đặt ra từ đầu năm ở mức 6,7%. Con số này cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực và cao

dịch vụ. Đó cũng là nhờ năm 2018, Việt Nam có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay với mức thặng dư 6,8 tỷ USD. Ngoài ra, đó cũng một phần nhờ nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, tăng năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam (từ vị trí mức 60 năm 2016-2017 lên vị trí 55 năm 2017-2018 trong số 137 nước được đánh giá). Tuy nhiên, nếu so sánh trong ASEAN, Việt Nam đứng sau hầu hết các nước, chỉ đứng trên Philippines 1 bậc và cách xa Lào, Campuchia. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2/2019 ước tính giảm 16,8% so với tháng 1/2019. Mức giảm này là do đợt nghỉ dài Tết Nguyên đán trong tháng 2. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm 2018, chỉ số IIP tháng 2/2019 tăng 10,3%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2019, chỉ số IIP tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn mức tăng 13,7% của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn nhiều mức tăng của cùng kỳ năm 2017 (tăng 2,4%) và 2016 (tăng 6,6%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa 2 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt 613,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,3% tổng mức và tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát được duy trì ở mức mục tiêu dưới 4%. Năm 2018 tiếp tục là năm Việt Nam kiểm soát lạm phát thành công với chỉ số CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Việt Nam tăng lên 2,64% trong tháng 2/2019 so với 2,56% trong tháng 1, do giá thực phẩm tăng nhanh hơn (7,08% so với 6,6%), vật liệu xây dựng và nhà ở (1,72% so với 0,94%). Trong khi đó, lạm phát giảm nhẹ đối với cả thực phẩm ngũ cốc (1,15% so với 2,06%) và hàng may mặc, giày dép, mũ (1,67% so với 1,73%). Giá dầu thế giới có xu hướng tăng trở lại trong quý 1/2019 và có thể tiếp tục tăng trong thời gian tới sẽ tác động nhất định tới lạm phát của Việt Nam.

Nợ công và cân đối ngân sách được kiểm soát đảm bảo các mục tiêu Quốc hội đề ra. Về nợ, Việt Nam đã siết khá chặt, không để phát sinh nợ mới và phần trả nợ lãi đã đưa vào chi ngân sách hàng năm. Thâm hụt ngân sách giảm nhờ thu ngân sách nhà nước tăng. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trong năm 2018 đạt

khoảng 1,422 triệu tỷ đồng, vượt 7,8% so với dự toán năm. Trong đó, thu ngân sách Trung ương vượt 4,3%, thu ngân sách địa phương cũng vượt 12,5% so với dự toán. Doanh thu từ thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước là nguồn bổ sung quan trọng đối với sự ổn định tài khóa. Sau thành công từ thoái vốn và phát hành cổ phiếu ra công chúng (IPO) năm 2017, quá trình này đã chậm lại trong năm 2018. Sang năm 2019, Bộ Tài chính lên kế hoạch ghi nhận 50 nghìn tỷ đồng từ thoái vốn và IPO của doanh nghiệp nhà nước, cao hơn 50% so với kết quả ghi nhận năm 2018.

2.2. Hoạt động thương mại

Năm 2018, thương mại của Việt Nam đã đạt được những kết quả lớn, cán cân thương mại đạt thặng dư năm thứ ba liên tiếp, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước năm 2018 đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% (tương ứng tăng 52,05 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%. Kết thúc năm 2018, cán cân thương mại của Việt Nam đạt thặng dư là 6,8 tỷ USD [7].

Tuy nhiên, trong 2 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước 2 tháng đầu năm 2019 đạt 72,29 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 36,11 tỷ USD, tăng 4,2% và nhập khẩu đạt 36,18 tỷ USD, tăng 5,8% [8], dẫn đến thâm hụt 70 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2019 thấp hơn nhiều so với mức 2 tháng đầu năm 2018 (nhập khẩu tăng 20,4% và xuất khẩu tăng 25,8%). Ngoài lý do ảnh hưởng của nghỉ Tết Nguyên đán, một nguyên nhân quan trọng khác là do xuất nhập khẩu của khối FDI đã giảm mạnh.

Thương mại của Việt Nam vẫn phụ thuộc nặng nề vào khu vực FDI. Tuy nhiên, một điểm sáng là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước cao hơn của khối doanh nghiệp FDI trong 2 tháng đầu năm 2019. Đây là điều khác biệt so với xu thế nhiều năm trước bởi doanh nghiệp FDI luôn đạt tốc độ

tăng trưởng cao hơn doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, kể từ nửa cuối năm 2018 đến nay, đã có sự đảo chiều khi tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong nước vượt doanh nghiệp FDI và xu hướng này vẫn duy trì trong 2 tháng đầu năm 2019. Cụ thể, trong 2 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đạt 26,15 tỷ USD, tăng 9,5%, trong khi đó, xuất nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI đạt 46,14 tỷ USD, tăng 2,6%.

Cơ cấu nhập khẩu cũng hầu như không có sự thay đổi so với các năm trước và tập trung vào các máy móc thiết bị, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ cho xuất khẩu. Điều đó tiếp tục đặt ra bài toán cho Việt Nam về câu chuyện “phát triển các ngành phụ trợ”, “nền kinh tế gia công” và những giải pháp để vượt qua “bẫy kinh tế gia công”.

Cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam khá ổn định. Trong năm 2018, thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là châu Á, đạt 321 tỷ USD, chiếm đến 66,9% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước, trong đó riêng thương mại với Trung Quốc đạt 106,71 tỷ USD. Tiếp theo là khu vực châu Mỹ đạt 78,37 tỷ USD và châu Âu đạt 64,11 tỷ USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, tiếp theo là EU và Trung Quốc. Trong khi đó, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc, tiếp đó là Hàn Quốc và ASEAN.

2.3. Tình hình thu hút đầu tư

Năm 2018 ghi nhận những thành công nổi bật của Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đầu tư cấp mới, tăng thêm và cả vốn đầu tư qua góp vốn, mua cổ phần là trên 35,46 tỷ USD. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, trong năm 2018, vốn đầu tư nước ngoài giải ngân đã đạt mức kỷ lục, 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Tính đến ngày 20/2/2019, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 8,47 tỷ USD, tăng hơn 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2018. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 2,58 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng

kỳ năm 2018. Đây cũng là mức tăng cao nhất của 2 tháng đầu năm trong vòng 3 năm trở lại đây cả về giá trị và tốc độ tăng.

Cơ cấu lĩnh vực FDI vào Việt Nam năm 2018 và quý đầu năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực với phần lớn các dự án FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ bán buôn bán lẻ. Trong 2 tháng đầu năm 2019, các nhà đầu tư nước ngoài tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với tổng số vốn đạt 6,93 tỷ USD, chiếm 81,8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư 478 triệu USD, chiếm 5,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Điểm sáng trong lĩnh vực thu hút vốn FDI là hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 306,7 triệu USD, chiếm 3,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

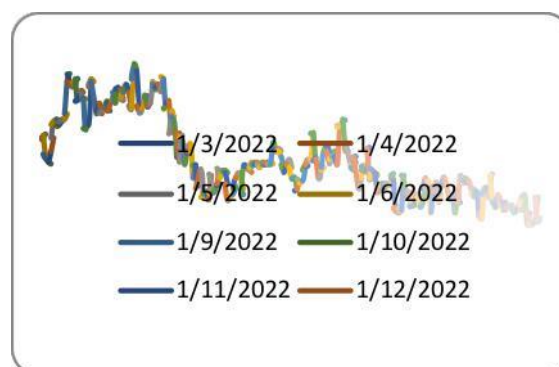
Nhóm các nhà đầu tư lớn vào Việt Nam duy trì ổn định trong những năm gần đây. Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông, Thái Lan thuộc nhóm các đối tác đầu tư lớn tại Việt Nam. Trong 2 tháng đầu năm 2019, Hồng Kông dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 4,3 tỷ USD, chiếm 51% tổng vốn đầu tư; Singapore đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư 979,1 triệu USD, chiếm 11,5% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hàn Quốc đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 873 triệu USD, chiếm 10,3% tổng vốn đầu tư. Các vị trí tiếp theo thuộc về Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.

2.4. Biến động lãi suất và tỷ giá hối đoái

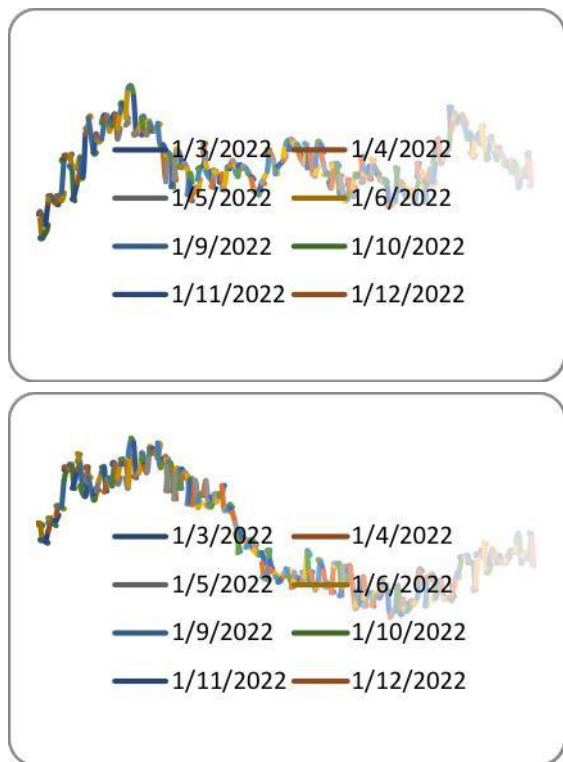
Thị trường tiền tệ và ngoại hối chứng kiến sự biến động của lãi suất huy động và tỷ giá có xu hướng tăng mạnh vào những tháng cuối năm 2018. Đối với lãi suất liên ngân hàng, tính đến ngày 31/10/2018 đã tăng ở tất cả các kỳ hạn so với đầu năm, tăng trong khoảng từ 1,9-3,39 điểm phần trăm ở các kỳ hạn ngắn và từ 0,01-0,62 điểm phần trăm đối với các kỳ hạn từ 3 tháng trở lên. Mặc dù lãi suất huy động tăng, nhưng do Ngân hàng Nhà nước điều tiết chính sách tiền tệ linh hoạt như bơm tiền qua OMO,

phát hành tín phiếu, ổn định lãi suất USD và giảm mặt bằng lãi suất cho vay trong nền kinh tế, mặt bằng lãi suất cho vay VND không tăng mà phổ biến ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Trong khi thị trường ngoại hối quốc tế chứng kiến USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền mạnh khác trong năm 2018 thì VND biến động khá trái chiều so với các đồng tiền mạnh ở thị trường ngoại hối trong nước. VND chỉ mất giá gần 1,8% so với đồng USD, mất giá so với Euro 3,6%, mất giá so với JPY 1,8% và mất giá 4,2% so với CNY tính từ đầu năm 2018 đến nay. Như vậy, việc áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái trung tâm gắn VND với rổ tiền tệ gồm 8 đồng tiền chưa thực sự thực chất. Cụ thể, xu hướng biến động của VND/Euro và VND/JPY có nét tương đồng hoàn toàn so với biến động của USD/Euro và JPY/USD trong suốt năm 2018. Điều này chứng tỏ VND vẫn được gắn khá chặt so với đồng USD. Trong khi, Trung Quốc điều hành để CNY mất giá sâu hơn so với đồng USD nhằm tạo thuận lợi cho các nhà xuất khẩu trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đang gia tăng. VND tăng giá mạnh so với CNY lại là điều bất lợi cho các nhà xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc. Nhưng đối với các nhà nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc, nếu họ sử dụng đồng CNY thì lại có lợi hơn so với lựa chọn đồng USD để thanh toán. Bởi vì, đồng USD tăng giá làm hàng hóa nhập khẩu quy ra VND có giá cao hơn, trong khi CNY mất giá so với VND thì hàng hóa nhập khẩu thanh toán bằng CNY quy ra VND có giá rẻ hơn.



tăng với tốc độ 3,7% trong năm 2019 (đã điều chỉnh theo thời vụ), trong đó lượng thương mại



Hình 8. Tỷ giá hối đoái giữa VND và các đồng tiền của các nền kinh tế đối tác chủ chốt. (từ ngày 1/1/2018 đến ngày 19/3/2019)
 Nguồn: Pacific Exchange Rate Services.

3. Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2019

3.1. Triển vọng kinh tế thế giới

Những bất ổn địa chính trị và tranh chấp thương mại giữa Mỹ và các nước đối tác vẫn chưa có chiều hướng giảm sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng chảy thương mại và đầu tư của các nền kinh tế chủ chốt, từ đó tác động tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Dự đoán trong năm 2019, thương mại toàn cầu vẫn tiếp tục tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm hơn, phản chiếu bức tranh của những căng thẳng và mâu thuẫn giữa các đối tác thương mại lớn toàn cầu, những bất ổn trong chính sách kinh tế toàn cầu và những phản ứng của chính sách tài chính tiền tệ trước những căng thẳng đó. Theo dự báo của WTO, khối lượng thương mại toàn cầu sẽ

của các nước phát triển tăng 3,3% và của các nước đang phát triển tăng 4,5%. Dự báo lượng thương mại của các nước châu Á vẫn tăng với tốc độ cao nhất là 4,9%, tiếp theo là châu Mỹ (3,6%) và châu Âu (3,2%).

Tình trạng căng thẳng thương mại kéo dài đã và tiếp tục làm chậm tốc độ tăng trưởng của thương mại quốc tế, làm suy yếu các hoạt động sản xuất, tất yếu sẽ dẫn đến sự gián đoạn chuỗi giá trị toàn cầu và ảnh hưởng đến dòng vốn FDI.

Kinh tế Mỹ năm 2019 khó giữ được đà tăng trưởng như năm 2018. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế châu Âu, Anh, Nhật Bản và Trung Quốc đều đang đà giảm dần sẽ tiếp tục hỗ trợ cho đồng USD tăng giá. Như vậy, đồng USD sẽ tiếp tục tăng giá nhẹ và vẫn được các nhà đầu tư lựa chọn làm kênh trú ẩn an toàn.

Các nước OPEC đang nỗ lực tái cân bằng cung cầu trên thị trường dầu mỏ nên giá dầu thế giới có thể sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Những căng thẳng thương mại có thể vẫn tiếp diễn và sẽ tạo ra những bất ổn định ngay trên các thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu, gây cản trở tăng trưởng toàn cầu trong những năm tới. Tăng trưởng của Mỹ có giảm nhẹ nhưng nhờ có sự tăng trưởng của một số nước ở châu Á nên tăng trưởng toàn cầu năm 2019 chỉ giảm nhẹ so với năm 2018.

3.2. Triển vọng kinh tế Việt Nam

Kinh tế Việt Nam đón nhận nhiều tín hiệu tích cực như bội chi ngân sách giảm đáng kể, cán cân thương mại thặng dư trong đó FDI vẫn giữ vai trò là tác nhân chủ chốt thúc đẩy hoạt động thương mại của Việt Nam gia tăng. Tuy nhiên, thương mại của Việt Nam vẫn tiếp tục phụ thuộc lớn vào khu vực FDI (FDI chiếm tới 75% giá trị xuất khẩu) mà không có nhiều sản phẩm thể hiện sự chuyên gia công nghệ ở Việt Nam cũng như chưa có sức bật nội lực từ các doanh nghiệp trong nước. Lĩnh vực mà dòng vốn FDI vào chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Năm 2019, thương mại Việt Nam sẽ đối mặt với những thách thức và khó khăn nội tại như việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA...). Thêm vào

đó, hạn chế về trình độ công nghệ dẫn đến Việt Nam sẽ có nhiều thách thức trong việc phát triển các xu hướng thương mại mới một cách bền vững như thương mại số, thương mại điện tử qua biên giới... Mỹ và Trung Quốc là hai đối tác lớn của Việt Nam nên cả tác động tích cực và tác động tiêu cực từ cuộc chiến thương mại giữa hai quốc gia đến Việt Nam đều lớn. Do đó, nếu Việt Nam biết tận dụng những khía cạnh tích cực, vượt qua những khía cạnh tiêu cực thì sẽ có khả năng tạo đột phá trong thương mại. Một mặt, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đem đến những sức ép mới khi Việt Nam đứng trước nguy cơ nhập siêu trầm trọng hơn từ thị trường Trung Quốc, gia tăng cạnh tranh trên thị trường nội địa khi cả Mỹ và Trung Quốc có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang Việt Nam. Các nước khác cũng muốn chớp cơ hội từ cuộc chiến thương mại để đẩy mạnh xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc nên việc Việt Nam tăng xuất khẩu sang hai thị trường này không phải là điều dễ dàng. Thêm vào đó, Việt Nam còn đứng trước nguy cơ Trung Quốc có thể mượn đường Việt Nam, lách luật để xuất khẩu vòng sang thị trường Mỹ và từ đó ảnh hưởng đến quan hệ thương mại Việt Nam - Mỹ, khiến Việt Nam có thể nằm trong nguy cơ bị Mỹ áp thuế trong tương lai. Tuy nhiên, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng có những tác động tích cực với Việt Nam như đem lại cơ hội tăng xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ và Trung Quốc đối với các sản phẩm hai bên áp thuế lẫn nhau, với các sản phẩm sử dụng sản phẩm bị áp thuế làm nguyên liệu đầu vào. Việt Nam có thể sẽ được hưởng lợi từ những thay đổi trong chuỗi cung ứng khi các doanh nghiệp nước ngoài chuyển một phần sản xuất ra khỏi Trung Quốc để tránh các biện pháp khắt khe của Mỹ áp dụng với hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc. Bên cạnh đó, cũng có một số yếu tố khác thúc đẩy tích cực thương mại Việt Nam trong năm 2019. Đó là Việt Nam sẽ chịu những tác động tiêu cực từ nền kinh tế thế giới và cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, nhưng khả năng chống chịu của nền kinh tế đã tốt hơn và nền kinh tế đang được điều hành tốt hơn thông qua các đợt điều chỉnh ngân hàng, thị trường chứng khoán. Đó là tín hiệu lạc quan về khả năng Hiệp định Thương

mại Tự do Việt Nam - EU sẽ có thể được thông qua vào khoảng cuối tháng 5 năm nay; hiệp định CPTPP có hiệu lực sẽ đem đến các cơ hội mới để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Hàn Quốc và sự tăng trưởng khá vững vàng của EU - hai trong các đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam cũng sẽ là những yếu tố thúc đẩy thương mại của Việt Nam.

Bên cạnh đó, kinh tế vĩ mô về cơ bản vẫn được đảm bảo, lạm phát được dự báo trong tầm kiểm soát, thanh khoản hệ thống ngân hàng được duy trì tốt, dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức cao là căn cứ để đảm bảo tỷ giá và lãi suất không có biến động quá lớn là điều kiện thuận lợi ổn định kinh tế vĩ mô giúp cho tăng trưởng kinh tế tiếp tục được ghi nhận trong năm 2019. Mặc dù vậy, mô hình tăng trưởng cải thiện chưa rõ rệt, vẫn chủ yếu dựa vào các nguồn lực như vốn đầu tư và tín dụng, trong khi chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực này chưa cao. Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế năm 2018 cũng như xem xét triển vọng phát triển của các nhân tố có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2019 bao gồm: tăng trưởng kinh tế giới; chỉ số giá tiêu dùng thế giới; giá dầu thế giới; một số đánh giá tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; tỷ lệ đầu tư/GDP; biến động tỷ giá, biến động lãi suất, nhóm nghiên cứu dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam 2019 sẽ dao động trong khoảng 6,9-7,1%.

4. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Từ những kết quả đạt được trong năm 2018, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng bao trùm, tiếp tục nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Cần theo sát từng động thái và dự đoán các kịch bản của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, hoạch định các giải pháp cho từng kịch bản đó để ở thể sẵn sàng chuẩn bị cho mọi khả năng, kể cả là khả năng xấu nhất. Chính phủ cần cập nhật thường xuyên và nhanh chóng

danh mục hàng hóa bị áp thuế của Mỹ và Trung Quốc cũng như tỷ giá CNY/USD và có kênh thông tin nhanh chóng cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có phản ứng kịp thời.

Cần tiếp tục thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động theo dõi, đánh giá xu hướng dịch chuyển dòng FDI trên thế giới, không ngừng cải thiện môi trường đầu tư để tận dụng vị thế của Việt Nam trong thị trường ASEAN và cơ hội do các hiệp định thương mại tự do tạo ra để thu hút vốn FDI, gồm cả doanh nghiệp Mỹ và doanh nghiệp nước khác đang đầu tư tại Trung Quốc, nếu như có sự chuyển dịch đầu tư ra khỏi Trung Quốc của các doanh nghiệp này. Tạo sự liên kết, lan tỏa giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để các doanh nghiệp Việt Nam dần nâng cấp công nghệ, hình thành phát triển công nghiệp hỗ trợ và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị, gia nhập mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Việt Nam cũng nên cân nhắc một số biện pháp để ngăn hàng hóa Trung Quốc chuyển hướng ồ ạt sang thị trường Việt Nam như sử dụng chính sách tỷ giá, áp dụng các biện pháp phi thuế quan hợp lý và theo đúng luật pháp quốc tế như tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa Trung Quốc tại các điểm kiểm soát biên giới, nâng cao yêu cầu về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu Trung Quốc. Việc Chính phủ nỗ lực giảm chi phí cho các nhà xuất khẩu cũng như các doanh nghiệp sản xuất bằng cách cắt giảm tối đa các thủ tục và giấy phép, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường mới cũng là giải pháp cần thiết.

Cần xác định rằng chiến lược cốt lõi của Việt Nam để đối phó với những biến động của tình hình kinh tế thế giới nói chung, cuộc chiến thương mại nói riêng là thúc đẩy ổn định vĩ mô, ổn định giá trị của VND, tăng cường thực hiện các FTA đã ký kết để tăng xuất khẩu và duy trì đà tăng trưởng, đồng thời tận dụng được cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử, thương mại số, theo kịp những xu hướng mới của thương mại quốc tế.

Việc điều hành tỷ giá, sau đúng 3 năm kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tỷ giá trung tâm gắn theo 8 đồng tiền, thực tế diễn ra VND vẫn luôn được gắn theo đồng USD. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự đa dạng hóa các đồng tiền trong thanh toán ngày càng gia tăng thì việc áp dụng thực chất hơn nữa tỷ giá trung tâm là rất cần thiết. Tuy nhiên, theo kết quả của nhóm nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước chỉ nên áp dụng tỷ giá trung tâm gắn vào 5 đồng tiền gồm USD, EUR, JPY, CNY và SGD, trong đó tỷ trọng của đồng USD là lớn nhất chứ không nhất thiết phải gồm 8 đồng tiền như Ngân hàng Nhà nước đã công bố.

Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác. Nếu FED vẫn tiếp tục tăng lãi suất thêm 1 lần nữa trong năm 2019 như đã tuyên bố thì trong thời gian tới VND sẽ tiếp tục có xu hướng mất giá so với USD. Với sự kết hợp của chính sách thắt chặt tiền tệ dần dần, chính sách quản lý nhằm thu hẹp thâm hụt thương mại, và khuyến khích các công ty Mỹ hồi hương tiền mặt đang ở nước ngoài, cũng như những thay đổi về quy định hạn chế việc tài trợ mua lại và tài trợ xuyên biên giới có thể dẫn đến áp lực huy động USD ở châu Á, tăng chi phí thanh toán bằng USD và sự mất giá của đồng nội tệ trong khu vực. Việt Nam cần theo dõi và có những phương án đối phó kịp thời với biến động tỷ giá trong khu vực.

Lời cảm ơn

Bài viết nằm trong khuôn khổ Đề tài KT.18.04 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] WB, Development Economics - Prospects, December 2018.
- [2] WB, Development Economics - Prospects, January 2019a.

- [3] WB, Development Economics - Prospects, February 2019b.
- [4] WTO, Monthly world trade data, 2019a, truy cập ngày https://www.wto.org/english/res_e/statis_e/short_term_stats_e.htm
- [5] WTO, World Trade Outlook Indicator, 2019b, truy cập từ https://www.wto.org/english/news_e/news19_e/wtoi_19feb19_e.pdf
- [6] UNCTAD, Investment Trends Monitor Issue 31: Global FDI flows continue their in 2018, New York and Geneva: United Nation, 2019.
- [7] Tổng cục Hải quan, “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2018”, 2019a, truy cập ngày 15/01/2019, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1559&Category=Phân%20t%C3%ADch%20định%20kỳ&Group=Phân%20t%C3%ADch>.
- [8] Tổng cục Hải quan, “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2019”, 2019b, truy cập ngày 15/03/2019, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1612&Category=&Group=Phân%20t%C3%ADch>.